**Bài 3. Sự sống thiêng liêng**

**(Văn bản nghị luận)**

**Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn trang 56**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ yêu cầu cần đạt**

- Nhận diện và xác định được luận đề và luận điểm trong văn nghị luận

- Nhận biết và xác định được những bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận.

- Xác định được bố cục của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

- Xác định và phân tích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

- Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

- Trình bày được ý kiến của bản thân về một vấn đề xã hội.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương, trân trọng con người và thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* [Em từng nghe, đọc hay đã thuộc những ca khúc, bài thơ nào viết về Trái Đất? Chúng đã gợi lên trong em ấn tượng, cảm xúc gì?](https://vietjack.me/em-tung-nghe-doc-hay-da-thuoc-nhung-ca-khuc-bai-tho-nao-108984.html)

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV giới thiệu:** Bài học gồm hai nội dung: khái quát chủ đề và nêu thể loại các văn bản đọc chính. Với chủ đề Sự sống thiêng liêng, bài học tập trung vào một số vấn đề thiết thực, có ý nghĩa quan trọng: yêu thương con người, yêu thiên nhiên…  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng |  |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được khái niệm luận đề và luận điểm trong văn nghị luận

- Xác định được khái niệm bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận.

- Xác định được khái niệm nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  *-*GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  Hãy chọn một bài thơ và trả lời các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố:  *+ Trình bày khái niệm luận đề và luận điểm.*  *+ Bằng chứng khách quan là gì?*  *+ Thế nào là ý kiến, đánh giá chủ quan?*  *+ Xác định nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **1. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận**  - Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.  - Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.  Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, dẫn chứng.  **2. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận**  - Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.  - Ý kiến đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.  - Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:   | **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết** | | --- | --- | | Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện… | Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy… hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan. | | Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế. | Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng. |   **3. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt**  - Một số yếu tố Hán Việt thông dụng dưới đây có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt:  + Chinh (đánh dẹp, đi xa): chinh phục, chinh phụ…  + Lạm (quá mức): lạm phát, lạm dụng…  + Tuyệt (dứt, hết…): tuyệt bút, tuyệt nhiên…  + Vô (không, không có): vô bổ, vô tận… |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*Tìm một số từ có yếu tố Hán Việt được sử dụng trong đời sống.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS: Sưu tầm một bài văn nghị luận và chỉ rõ luận đề và luận điểm được tác giả sử dụng trong văn bản đó.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Bức thư của thủ lĩnh da đỏ**

Xi – át – tô

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được thể loại của văn bản.

- Nhận diện và xác định được bố cục của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được Bức thư của thủ lĩnh da đỏ xuất phát từ tinh yêu thiên nhiên, đất nước, con người đã nêu lên một vấn đề bức xúc có ý nghĩa to lớn đối với cuộc sống hiện nay: bảo vệ và gìn giữ sự trong sạch của thiên nhiên, môi trường.

- Nhận diện và phân tích được tác dụng của một số biện pháp tu từ, nhân hoá, điệp ngữ, đối lập.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bảnBức thư của thủ lĩnh da đỏ

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Bức thư của thủ lĩnh da đỏ

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương con người, yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Quê hương em đang sinh sống là một nơi như thế nào? Em hãy chia sẻ với bạn bè về vẻ đẹp của nơi đây.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học Bức thư của thủ lĩnh da đỏ ngày hôm nay sẽ giúp cho chúng ta thấy được sự gắn bó mật thiết giữa thiên nhiên và con người.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* đọc và giới thiệu về tác giả *Xi-át-tô* và tác phẩm Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  - Xi – át – tô là một thủ lĩnh người da đỏ.  - Bức thư của thủ lĩnh Xi -át-tơn viết để trả lời Tổng thống thứ 14 của Mỹ Phreng – kiln Pi-ơ-xơ.  ***2. Tác phẩm***  - Xuất xứ: Năm 1854, Tổng thống thứ 15 của nước Mĩ là Phreng -klin Pi-ơ-xơ tô ý muốn mua đất của người da đỏ. Thủ lĩnh Xi-át-tơn đã gửi bức thư này trả lời. Đây là bức thư rất nổi tiếng, từng được nhiều người xem là một trong những văn bản hay nhất về thiên nhiên và môi trường |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được thể loại của bài thơ.

- Xác định được cách gieo vần, bố cục và mạch cảm xúc trong bài thơ.

- Nhận biết và phân tích các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng.

- Nhận diện và phân tích được ý nghĩa nội dung và nghệ thuật mà tác giả gửi gắm trong bài thơ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Xác định thể loại của văn bản.*  *+ Xác định bố cục của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Tìm những từ ngữ, câu nói lên thái độ, tình cảm của người da đỏ đối với thiên nhiên, môi trường, đất đai.*  *+ Em cảm nhận được gì về tình cảm của người da đỏ?*  *+ Vì sao họ có thái độ như vậy?*  *+ Em có nhận xét gì về cách nói của tác giả?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Những người da trắng họ đã có hành động bằng cách đối xử như thế nào?*  *+  Em có suy nghĩ gì về cách đối xử của người da trắng với thiên nhiên môi trường?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  +  *Vì sao có thể đánh giá đây là bức thư hay bậc nhất ...?*  *+ Xuất phát từ đâu mà thủ lĩnh da đỏ lại viết bức thư này?*  + *Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | ***3. Đọc - kể tóm tắt***  - Thể loại:  thư từ - chính luận - trữ tình.  - Bố cục 3 phần:  + Phần 1: Từ đầu đến "cha ông chúng tôi" - Những điều thiêng liêng trong ký ức người da đỏ.  + Phần 2: Tiếp đến "đều có sự ràng buộc" - Những lo âu của người da đỏ về đất đai, môi trường thiên nhiên sẽ bị tàn phá bởi người da trắng.  + Phần 3: Còn lại - Khẳng định về vai trò của đất đai môi trường đối với cuộc sống.  **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Thái độ ứng xử của con người với thiên nhiên, đất đai, môi trường.***  a. Người da đỏ:  - Đất là thiêng, đất là bà mẹ.  - Chúng tôi không thể nào quên được mảnh đất tươi đẹp này.  - Chúng tôi là một phần tử của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi.  - Hoa là chị, là em ... vũng nước, mõm đá, chú ngựa con ... tất cả đều chung một gia đình.  - Dòng sông, con suối là máu của tổ tiên, là anh em, ...  - Tiếng thì thầm của dòng nước là tiếng nói của cha ông.  - Không khí là quí giá...  - Đất đai giàu có được là do nhiều mạng sống bồi đắp nên.  - Đất là mẹ.  => Quan hệ gắn bó, biết ơn, hài hoà, thân yêu, thiêng liêng mà gần gũi ... như trong một gia đình, như với người anh, chị em ruột thịt, như với bà mẹ hiền minh, vĩ đại.  - Thái độ tình cảm và cách ứng xử rất rõ ràng bởi đó là quan hệ của họ, là mảnh đất bao đời gắn với nòi giống và sâu trong nguồn cội là tinh yêu tha thiết, máu thịt của người da đỏ đối với đất nước, quê hương.  - Cách nói nhắc đi nhắc, nhắc lại trùng điệp để nhấn mạnh, khắc sâu tạo ấn tượng.  b. Người da trắng.  - Muốn dùng tiền bạc, đô la để mua đất.  - Khi chết, thường quên đi đất nước họ sinh ra.  - Không hiểu cách sống của người da đỏ.  - Kẻ xa lạ, trong đêm tối, họ lấy đi từ lòng đất những gì họ cần.  - Kẻ thù, kẻ chinh phục, lấn tới.  - Đối xử với đất và anh em bầu trời như những vật mua được, tước đoạt được và bán đi như những con cừu và những hạt kim cương.  - Thèm khát ngấu nghiến đất đai, để lại đằng sau những bãi hoang mạc.  - Xoá bỏ cuộc sông yên tĩnh, thanh khiết ...  - Huỷ diệt muông thú quý hiếm ...  => Chủ yếu nhằm vào việc khai thác, tận dụng vì lợi nhuận tối đa, bất chấp hậu quả trước mắt hay lâu dài. Đó cũng là mặt trái của chủ nghĩa tư bản đế quốc Mĩ trong quá trình phát triển của nó.  **2. Một bức thư**  Một bức thư về chuyện mua bán đất trở thành một bài văn hay bậc nhất về vấn đề bảo vệ tài nguyên và môi trường.  - Xuất phát điểm của bức thư là tình yêu, quê hương, đất nước.  - Người ta không thấy người viết thư trả lời có bán hay không, lại càng không bàn về chuyện giá cả. Vấn đề được đặt ra chỉ như một giả thiết để t ạo đà, tạo thế cho việc trình bày quan điểm và bộc lộ tình cảm.  - Tác giả không chỉ đề cập đến vấn đề về đất nước mà tất cả những hiện tượng có liên quan tới đất: Thiên nhiên, môi trường - vấn đề toàn trái đất đang quan tâm.  - Phản đối sự huỷ hoại môi trường của người da trắng.  - Xuất phát từ lòng yêu quê hương đát nước, bỗng trở thành một văn bản có giá trị hay nhất về vấn đề bảo vệ thiên nhiên và môi trường.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Thể hiện được tình cảm gắn bó sâu nặng với quê hương, đất nước.  - Phê phán, châm biếm lối sống và thái độ tình cảm của người da trắng.  - Thái độ cương quyết, cứng rắn.  - Lời văn nhịp nhàng, lôi cuốn thêm khí thế.  ***2. Nghệ thuật***   - Nghệ thuật đối lập.  - Nghệ thuật trùng điệp: nhắc đi, nhắc lại một cách có dụng ý các từ, ngữ, cấu trúc câu ...) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi: Vẽ sơ đồ tư duy trình bày những nội dung chính trong văn bản Bức thư của thủ lĩnh da đỏ.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn ngắn nói về tình cảm của em đối với nơi em đang sinh sống.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu**

Vũ Nho

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được luận đề và luận cứ của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá trong văn bản.

- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương con người, yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Em đã từng đọc những bài thơ nào nói về mùa thu? Bài thơ mà em thích nhất là gì? Vì sao?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Mùa thu là một trong những mùa đẹp nhất trong năm và có rất nhiều thơ ca nói về chủ đề này. Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu để cùng phân tích và tìm hiểu vẻ đẹp của mùa thu qua cái nhìn của tác giả Vũ Nho.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại và tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  + Xác định thể loại của văn bản.  + Xuất xứ của văn bản.  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Văn nghị luận  - Văn bản *Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu* được trích Đi giữa miền thơ của NXB Văn học, năm 1999. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được luận đề và luận cứ của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá trong văn bản.

- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Nêu luận đề của văn bản và cơ sở xác định luận đề đó.*  *+ Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Tìm câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  - GV chuẩn kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng***  - Luận đề: Cảm nhận về thiên nhiên và hồn người lúc sang thu.  - Luận điểm 1: Cảm nhận của tác trong khổ thơ thứ nhất và thứ 2: Bức tranh thiên nhiên mùa thu được miêu tả bằng khứu giác, thị giác, xúc giác.  + Không phải là những nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng của hoa cúc mà bắt đầu là hương ổi – một chữ “phả” đủ gợi hương thơm sánh lại.  + Cảm nhận được “hương ổi”, đã nhận ra “gió se”, mắt lại nhìn thấy sương đang “chùng chình qua ngõ” .  + Thiên nhiên được quan sát rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn “sông dềnh dàng” và “chim vội vã”.  - Luận điểm 2: Cảm nhận của tác giả về suy nghĩ, chiêm nghiệm của nhà thơ qua khổ thơ thứ 3.  + Cảm nhận, suy ngẫm về tâm trạng của tác giả khi nhìn cảnh vật trong những ngày đầu thu qua hình ảnh nắng, mưa, sấm.  + Cảm nhận và trả lời cho những chiêm nghiệm và sự từng trải của tác giả qua hình ảnh “Hàng cây đứng tuổi”: hình ảnh gợi cho người đọc nhiều liên tưởng như một đời người trưởng thành rồi già cỗi đi.  ***2. Bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.***  - Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết là:  + Với các thi nhân, mùa thu lưu dấu của mình trong những vần thơ đượm một vẻ riêng trong trẻo.  - Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết là:  Đến lượt mình, Hữu Thỉnh lại làm cho mùa thu có thêm hương sắc mới.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Văn bản là lời cảm nhận sâu sắc của tác giả Vũ Nho đối với thiên nhiên và hồn người trong bài thơ Sang Thu. – Hữu Thỉnh.  ***2. Nghệ thuật***  - Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.  - Lựa lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:*

**Câu 4 (trang 65 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**

Em có đồng ý với nhận định “Nhan đề Sang thu vừa bao trùm lại vừa thấm vào từng từ ngữ, cảnh vật” hay không? Vì sao?

**Câu 5 (trang 65 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**

Viết từ bốn đến năm câu để trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên lúc giao mùa.

**Tham khảo câu trả lời:**

**Câu 4 (trang 65 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**

- Em có đồng tình với nhận định “Nhan đề Sang thu vừa bao trùm lại vừa thấm vào từng từ ngữ, cảnh vật” vì:

Nhan đề bài thơ Sang thu thể hiện cách lựa chọn khoảnh khắc thời gian, bắc cầu giữa cái không và cái có. Chính cảm giác mơ hồ, tinh tế đã chuyên chở cho tâm hồn thu theo cách của mùa thu. Nhạy cảm, nhẹ nhàng, vừa lạ vừa quen, nó đã đánh thức nơi ta những gì da diết nhất. “Sang thu” còn là của đời người. Đời người sang thu (sang tuổi xế chiều) nhiều từng trải, vững vàng hơn trước những biến động của cuộc đời.

**Câu 5 (trang 65 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**

Đoạn văn tham khảo:

Nhịp sống chậm rãi khiến em cảm nhận sâu sắc khoảnh khắc tiết trời chuyển mình từ cuối hạ sang đầu thu. Còn đâu những trưa hè nắng đổ lửa, dát vàng những con đường. Thay vào đó là tia nắng êm dịu, chờn vờn từng góc phố, hàng cây. Gió heo may bao trùm khắp con ngõ nhỏ. Không khí se lạnh khiến mọi người phải vội tìm cho mình một chiếc áo khoác mỏng, một bàn tay ấm, một cái ôm lâu. Thiên nhiên, con người như hòa quyện vào nhau. Chính bởi vậy, em càng yêu và say đắm khoảnh khắc chớm thu.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Sưu tầm một số bài bình về chủ đề mùa thu.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Bài ca Côn Sơn**

Nguyễn Trãi

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận diện được thể loại của văn bản.

- Xác định được bố cục của văn bản.

- Nhận biết và phân tích được sự hoà nhập nên thơ, thanh cao của Nguyễn Trãi với cảnh trí Côn Sơn ở đoạn thơ trong “Bài ca Côn Sơn” và hồn thơ thắm thiết tình quê của Trần Nhân Tông trong bài “Thiên Trường vãn vọng”.

- Xác định và phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bài ca Côn Sơn.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bài ca Côn Sơn.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương con người, yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu vẻ đẹp của thiên nhiên trong bài “Bài ca Côn Sơn” của tác giả Nguyễn Trãi.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* đọc và giới thiệu về tác giả *Nguyễn Trãi* và tác phẩm *Bài ca Côn Sơn.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  - Tên: Nguyễn Trãi  - Sinh năm: 1380 – 1442  - Hiệu: ức Trai, con của Nguyễn Phi Khanh.  - Quê quán: Chi Ngại – Chí Linh- Hải Dương, sau: Nhị Khê- Thường Tín – Hà Tây.  - Ông là người toàn đức, toàn tài, có công lớn trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh.  - Là người VN đầu tiên được công nhận: danh nhân văn hoá thế giới (1980)  - Cuộc đời: Gặp nhiều thăng trầm, oan ức.  - Là nhà văn lớn của dtộc.  - Các tác phẩm tiêu biểu: Bình Ngô đại cáo, Quốc âm thi tập, ức Trai thi tập, Quân trung từ mệnh tập...  ***2. Tác phẩm***  - Bài thơ Côn Sơn ca được sáng tác trong thời gian ông bị chèn ép phải cáo quan về ở ẩn ở Côn Sơn.  - Bài thơ được viết bằng chữ Hán trong tập “Ức Trai thi tập”. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện được thể loại của văn bản.

- Xác định được bố cục của văn bản.

- Nhận biết và phân tích được sự hoà nhập nên thơ, thanh cao của Nguyễn Trãi với cảnh trí Côn Sơn ở đoạn thơ trong “Bài ca Côn Sơn” và hồn thơ thắm thiết tình quê của Trần Nhân Tông trong bài “Thiên Trường vãn vọng”.

- Xác định và phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Xác định thể thơ.*  *+ Xác định cách gieo vần của bài thơ.*  *+ Xác định bố cục của bài thơ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Cảnh Côn Sơn được miêu tả qua những hình ảnh cụ thể nào?*  *+ Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật mà tác giả sử dụng trong bài thơ.*  *+ Qua những chi tiết trên, em có nhận xét gì về cảnh trí Côn Sơn?*  *+ Cho biết trong bài tác giả đã sử dụng đại từ nào? Sử dụng mấy lần? Đại từ đó chỉ ai?*  *+ Nhân vật “ta” đã làm gì ở Côn Sơn?*  *+ Các hoạt động đó đã vẽ nên một chân dung tâm hồn Nguyễn Trãi như thế nào ở Côn Sơn?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức**  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh trả lời một số câu hỏi:  *+  Qua những điều đã tìm hiểu ở trên, hình ảnh ta” đặc biệt là tâm hồn “ta” được thể hiện như thế nào?*  *+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | ***3. Đọc - kể tóm tắt***  - Thể loại: Thơ lục bát  - Gieo vần: rầm – cầm, êm- nêm  + Chữ cuối câu 6 vần với chữ 6 câu 8  + Chữ cuối câu 8 vần với chữ cuối câu 8 cặp dưới.  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1 – Cảnh trí Côn Sơn  + Phần 2 – Cuộc sống và tâm hồn Nguyễn Trãi ở Côn Sơn.  **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Cảnh trí Côn Sơn***  a. Cảnh trí Côn Sơn:  + Suối chảy rì rầm - đàn cầm  + Đá rêu phơi – chiếu êm  + Thông – như nêm  + Trúc râm  - Nghệ thuật lấy động để tả tĩnh:  - Tiếng suối rì rầm => sự tĩnh lặng, thanh bình  = > Thiên nhiên êm ái, dịu dàng đầm ấm bao dung. Một thiên nhiên khoáng đạt, thanh tĩnh và nên thơ.  ***b. Cảnh sống và tâm hồn Nguyễn Trãi ở Côn Sơn:***  - Đại từ “ta” - Có mặt 5 lần - Chỉ Nguyễn Trãi đang sống những ngày nhàn tả, ẩn dật ở Côn Sơn.  + Ta nghe tiếng suối  + Ta ngồi trên đá  + Ta lên  + Ta nằm  + Ta ngâm thơ nhàn  =>Thời gian rỗi rãi một cách bất đắc dĩ. Với tâm hồn thi sĩ đây là dịp để thảnh thơi, thả hồn vào suối, vào thông, vào trúc nơi rừng cao bóng cả.  - Chữ “nhàn”: tâm trạng của NTrãi thực tế chỉ nhàn một nửa, thực chất ông vẫn luôn đau đáu một nỗi niềm muốn đem sức mình phò vua, giúp nước.  - Chữ “nhàn” mang tính tích cực, không hề bất lực, không buông xuôi mà vẫn tha thiết với đời.  => Hiện lên hình ảnh Nguyễn Trãi đang sống trong ung dung, nhàn tả, thả hồn mình vào cảnh trí Côn Sơn, ông giao hoà tuyệt đối với thiên nhiên.  => Thể hiện nhân cách thanh cao, phẩm chất thi sĩ, nghệ sĩ lớn của Nguyễn Trãi.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Nhân cách thanh cao, tâm hồn nghệ sĩ của Nguyễn Trãi.  ***2. Nghệ thuật***  - Thể thơ lục bát, giọng điệu nhẹ nhàng.  - So sánh, liên tưởng, lấy động gợi tĩnh |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:  Nêu cảm nghĩ của em về bài thơ “Bài ca Côn Sơn” của tác giả Nguyễn Trãi.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*  Học sinh sưu tầm một số bài thơ có cùng chủ đề, nội dung với bài “Bài ca Côn Sơn” của tác giả Nguyễn Trãi.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Thực hành tiếng Việt trang 66**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được từ Hán Việt thông dụng và từ không có yếu tố Hán Việt.

- Xác định và phân tích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức hoạt động tìm hiểu kiến thức*.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay, Thực hành tiếng Việt trang 66.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được từ Hán Việt thông dụng và từ không có yếu tố Hán Việt.

- Xác định và phân tích được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Từ Hán Việt là gì?*  *+ Trình bày ví dụ về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.*  - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng. | - Từ Hán Việt là những [từ](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%AB) và [ngữ tố](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%E1%BB%AF_t%E1%BB%91) [tiếng Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t) bắt nguồn từ [tiếng Hán](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_H%C3%A1n) và những từ tiếng Việt được người nói tiếng Việt tạo ra bằng cách ghép các từ và/hoặc ngữ tố tiếng Việt gốc Hán lại với nhau. Từ Hán Việt là một bộ phận không nhỏ của [tiếng Việt](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Vi%E1%BB%87t), có vai trò quan trọng và không thể tách rời hay xóa bỏ khỏi tiếng Việt.  - Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.  Một số yếu tố Hán Việt thông dụng dưới đây có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt:  + Chinh (đánh dẹp, đi xa): chinh phục, chinh phụ…  + Lạm (quá mức): lạm phát, lạm dụng…  + Tuyệt (dứt, hết…): tuyệt bút, tuyệt nhiên…  + Vô (không, không có): vô bổ, vô tận… |
| **\* NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập nhanh  **Câu 1 (trang 66 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Tìm thêm những từ Hán Việt để điền vào bảng sau và giải thích ý nghĩa của chúng (làm vào vở):   | **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ Hán Việt** | | --- | --- | --- | | 1 | vô (không) | vô tình… | | 2 | hữu (có) | hữu tình… | | 3 | hữu (bạn) | thân hữu… | | 4 | lạm (quá mức) | lạm thu… | | 5 | tuyệt (tột độ, hết mức) | tuyệt sắc… | | 6 | tuyệt (dứt, hết) | tuyệt giao… | | 7 | gia (thêm vào) | gia vị… | | 8 | gia (nhà) | gia phong… | | 9 | chinh (đánh dẹp) | chinh phạt… | | 10 | chinh (đi xa) | chinh nhân… |   **Câu 3 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Giải thích nghĩa của từ Hán Việt được in đậm trong các câu sau:  a. Bức tranh thu từ những gì **vô hình** (hương, gió), từ ngõ hẹp (ngõ) chuyển sang những nét **hữu hình**, cụ thể (sông, chim, mây) với một không gian vừa dài rộng, vừa cao vời.  (Vũ Nho, Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu)  b. Nhưng có điều khi sang thu, khi nửa đời nhìn lại thì người ta một mặt sâu sắc thêm, chín chắn thêm, **thâm trầm**, **điềm đạm** thêm, mặt khác người ta phải **khẩn trương** thêm, gấp gáp thêm.  (Vũ Nho, Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu)  c. Tài nguyên rừng đang bị thu hẹp từng ngày, diện tích rừng tự nhiên che phủ giảm dần do khai thác trái phép, đất rừng bị chuyển qua đất nông, công nghiệp, các loài sinh vật quý hiếm thì đứng trước nguy cơ **tuyệt chủng**.  (Phan Anh Hải, Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam và thế giới)  d. Đối với **đồng bào** tôi, mỗi tấc đất là thiêng liêng, mỗi lá thông óng ánh, mỗi hạt sương long lanh trong những cánh rừng rậm rạp, mỗi bãi đất hoang và tiếng thì thầm của côn trùng là những điều thiêng liêng trong kí ức và kinh nghiệm của đồng bào tôi.  (Xi-át-tô, Bức thư của thủ lĩnh da đỏ)  **Câu 4 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Trong đoạn văn sau, nếu thay từ “hoang dã” bằng từ “mông muội” thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi không? Vì sao?  Tôi là kẻ **hoang dã**, tôi không hiểu bất cứ một cách sống nào khác. Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần, chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua. Tôi là kẻ **hoang dã**, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống.  **Trả lời:**  Nếu thay từ “hoang dã” bằng từ “mông muội” thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi. Vì: từ mông muội có nghĩa là tối tăm, mù mịt và ngu dại; nếu sử dụng như vậy người viết sẽ tự cho mình là kẻ không có hiểu biết, đồng thời khiến cảm xúc đoạn văn đi xuống theo chiều tiêu cực.  - HS nhận nhiệm vụ**.**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - HS trình bày sản phẩm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **Trả lời:**  **Câu 1 (trang 66 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**   | **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ Hán Việt** | | --- | --- | --- | | 1 | vô (không) | vô tình, vô sự, hư vô… | | 2 | hữu (có) | hữu tình, hữu ý, hữu duyên… | | 3 | hữu (bạn) | thân hữu, bằng hữu… | | 4 | lạm (quá mức) | lạm thu, lạm phát, lạm dụng… | | 5 | tuyệt (tột độ, hết mức) | tuyệt sắc, tuyệt đối… | | 6 | tuyệt (dứt, hết) | tuyệt giao, tuyệt tình, tuyệt tôn… | | 7 | gia (thêm vào) | gia vị, gia tăng… | | 8 | gia (nhà) | gia phong, gia đình, … | | 9 | chinh (đánh dẹp) | chinh phạt, chính chiến… | | 10 | chinh (đi xa) | chinh nhân, viễn chinh… |   **Câu 3 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  a.  - vô hình: không nhìn thấy (hương, gió)  - hữu hình: có thể nhìn thấy (sông, chim, mây)  b.  - thâm trầm, điềm đạm: tỏ ra sự nhẹ nhàng, từ tốn, kín đáo sâu sắc và không gắt gỏng.  - khẩn trương: vội vàng, cấp bách.  c.  - tuyệt chủng: kết thúc sự sinh tồn  d.  - đồng bào: những người cùng một giống nòi, một dân tộc  **Câu 4 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Nếu thay từ “hoang dã” bằng từ “mông muội” thì ý nghĩa của đoạn văn có thay đổi. Vì: từ mông muội có nghĩa là tối tăm, mù mịt và ngu dại; nếu sử dụng như vậy người viết sẽ tự cho mình là kẻ không có hiểu biết, đồng thời khiến cảm xúc đoạn văn đi xuống theo chiều tiêu cực. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  **Câu 2 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Đặt ba câu với ba từ Hán Việt tìm được ở bài tập 1.  **Câu 5 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Phân biệt ý nghĩa của các cặp từ sau và cho ví dụ minh họa:  a. Vô tư/ vô ý thức  b. Chinh phu/ chinh phụ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  - GV củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  **Câu 5 (trang 20 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Phân tích nét độc đáo trong các kết hợp từ được in đậm dưới đây:  a. Khóm trúc, lùm trẻ huyền thoại  **Lời ru vẫn vít dây trầu**  (Trương Nam Hương, Trong lời mẹ hát)  b. Đâu những chiều sương phủ bãi đồng  **Lúa mềm xao xác** ở ven sông  (Tố Hữu, Nhớ đồng)  c. Con **nghe dập dờn sóng lúa**  Lời ru hóa hạt gạo rồi  (Trương Nam Hương, Trong lời mẹ hát)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm: phanh phách, phành phạch…  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **Trả lời:**  **Câu 2 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Phong cảnh nơi đây thật hữu tình.  - Dân số nước ta đang gia tăng chóng mặt.  - Kì thi này bạn Nguyễn Văn A đã đạt điểm tuyệt đối tất cả các môn.  **Câu 5 (trang 67 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  a.  - Vô tư: không hoặc ít lo ngại, sống hồn nhiên.  - Vô ý thức: Không có chủ định, không nhận biết rõ ý nghĩa của việc (sai trái) mình đang làm.  = > Đặt câu:  - Nhìn các cô bé, cậu bé đang vô tư cười đùa trông thật hạnh phúc biết bao.  - Mặc dù là nơi tâm linh, nhưng có người vẫn vô ý thức ném rác bừa bãi.  b.  - chinh phu: người đàn ông đi đánh trận nơi xa thời phong kiến.  - chinh phụ: vợ của người đàn ông đang đi đánh trận thời phong kiến.  = > Đặt câu:  - Hình ảnh kẻ chinh phu trong lòng người chinh phụ là một hình ảnh không gì có thể làm phai mờ.  - Hình ảnh người chinh phụ đang đau đáu chờ chồng đi chinh chiến nơi xa thật khiến cho người ta cảm động.  . |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

Bài 1. Tìm từ Hán Việt trong những câu dưới đây (trích tùy bút *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới). Xác định nghĩa của các từ Hán Việt đã tìm được và nghĩa của mỗi yếu tố cấu tạo nên các từ đó.

a) *Tre ấy trông thanh cao, giản dị ... như người.*

b) *Dưới bóng tre xanh, ... người dân cày ... dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang.*

c) *Tre là cánh tay của người nông dân.*

d) *Tre là thẳng thắn, bất khuất.*

**Trả lời:**

Từ Hán Việt trong những câu đã cho là:

a) thanh cao (thanh: trong sạch, thuần khiết; cao: hơn hẳn mức bình thường về phẩm chất).

giản dị (đơn giản, không phiền phức, xa hoa).

b) khai hoang (mở mang, khai phá ruộng đất).

c) nông dân (người làm ruộng).

d) bất khuất (không chịu khuất phục).

**Bài 2.** Giải thích nghĩa của các từ Hán Việt được in đậm trong các câu sau:

a. *Thuở nhỏ, thầy Mạnh Tử tuy****thông minh, tư chất****hơn người nhưng lại ham chơi, một lần do ham chơi mà thầy trốn học.*

b. *Người quân tử học để****thành danh, thỉnh giáo****người khác là để làm tăng thêm tri thức.*

c. *Thứ nhất, dù trẻ em còn non nớt thì mỗi đứa trẻ đều có****quan điểm****riêng về****thế giới,*** *đều có những ý kiến riêng đáng được tôn trọng.*

d. *Tiếng nói của Ma-la-la đã tạo ra nhiều thay đổi****tích cực****tại quê hương cô.*

**Trả lời:**

Giải thích ý nghĩa các từ Hán Việt được in đậm:

- Thông minh: có năng lực trí tuệ tốt, hiểu nhanh, tiếp thu nhanh.

- Tư chất: tính chất vốn có của một người.

- Thành danh: dựng nên tên tuổi.

- Thỉnh giáo: xin người ta dạy bảo.

- Tri thức: những điều người ta vì kinh nghiệm và học tập mà biết, hay vì lí trí và cảm xúc mà biết.

- Quan điểm: điểm xuất phát quy định hướng suy nghĩ, cách xem xét, đánh giá về một sự vật, sự việc nào đó.

- Thế giới: Trái Đất, bề mặt là nơi toàn thể loài người đang sinh sống.

- Tôn trọng: tỏ thái độ đánh giá cao và cho là không được vi phạm hoặc xúc phạm đến.

- Tích cực: tỏ ra chủ động, có những hoạt động tạo ra sự biến động theo hướng phát triển.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI**

Chương Thâu

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được luận đề và luận cứ của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá trong văn bản.

- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương con người, yêu thiên nhiên…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Theo em lối sống đơn giản là gì? Em đã sống một lối sống đơn giản chưa?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI để cùng tìm hiểu về lối sống đơn giản.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại và tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  + Xác định thể loại của văn bản.  + Xuất xứ của văn bản.  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Văn nghị luận  - Văn bản Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI được in trong Báo Văn nghệ, số Tết, năm 2002. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được luận đề và luận cứ của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá trong văn bản.

- Nhận biết và phân tích được các nét đặc sắc về nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *+ Nêu luận đề của văn bản và cơ sở xác định luận đề đó.*  *+ Xác định hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi:**  - GV yêu cầu HS thảo luận:  *+ Tìm câu văn thể hiện bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  - GV chuẩn kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  ***1. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng***  - Luận đề: Lối sống đơn giản  - Luận điểm 1: Sống đơn giản là gì?  + Sống đơn giản không đồng nghĩa với sống khổ hạnh và nghèo đói, mà là cuộc sống được lựa chọn sau quá trình nghiên cứu kĩ lưỡng.  - Luận điểm 2: Lợi ích của việc sống đơn giản.  + Giúp chúng ta kiềm chế lòng tham, cân nhắc kĩ lưỡng các yêu cầu của bản thân.   * Một căn nhà rộng rãi sẽ đem lại sự dễ chịu cho người ở…. * Biến mình trở thành một con người nhàn nhã, bình yên và không hao phí thời gian vào những việc vô bổ. * Lối sống này được ông cha ta coi trọng từ thời xa xưa.   ***2. Bằng chứng khách quan và ý kiến chủ quan.***  - Câu văn thể hiện bằng chứng khách quan của người viết trong đoạn thứ tư của văn bản là:  “Có thể kể ra ở đây có rất nhiều danh nhân của đất Việt đã từng có cuộc sống như vậy: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hồ Chí Minh…”  - Câu văn thể hiện ý kiến, đánh giá chủ quan của văn bản là:  Dựa vào nguyên tắc của cuộc sống đơn giản, tiêu chuẩn tối thiểu của cuộc sống này là: đáp ứng đầy đủ những nhu cầu thiết yếu như ăn, mặc, ở, đi lại.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Văn bản bàn về lối sống đơn giản và lợi ích mà lối sống đơn giản đem đến cho con người.  ***2. Nghệ thuật***  - Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.  - Lựa lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Sưu tầm một số bài bình về chủ đề mùa thu.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS xác định được khái niệm luận đề và luận điểm của một văn bản nghị luận.

- Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học các bước để viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu một số điểm cần lưu ý khi viết một bài văn**

**a. Mục tiêu:** Xác định được một số điểm cần lưu ý khi viết một bài văn.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Luận đề là gì?*  *+ Luận điểm là gì?*  *+ Thế nào là bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận**  - Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.  - Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.  Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, dẫn chứng.  **2. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận**  - Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.  - Ý kiến đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.  - Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:   | **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết** | | --- | --- | | Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện… | Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy… hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan. | | Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế. | Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng. | |

**Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết bài văn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi: *Phân tích văn bản “hãy yêu mến, bảo vệ thiên nhiên”.*  **Câu 1 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Vấn đề được bàn luận trong bài viết là gì? Tác giả thể hiện thái độ đồng tình hay phản đối đối với vấn đề đó?  - Vấn đề được bàn luận trong bài viết là cần yêu mến và bảo vệ thiên nhiên.  - Tác giả thể hiện thái độ đồng tình với vấn đề trên.  **Câu 2 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Vẽ sơ đồ thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong bài viết.  **Câu 3 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Nhận xét về sức thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng được tác giả nêu ra.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và nhận xét  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em khi viết một bài văn nghị luận chúng ta cần làm theo mấy bước. Là những bước nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | ***2. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản***  **Câu 1 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  **-** Vấn đề được bàn luận là tình yêu thiên nhiên và mong muốn bảo vệ thiên nhiên.  - Tác giả thể hiện sự đồng tình.  **Câu 2 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  **Câu 2 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**    **Câu 3 (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Tác giả đưa ra các lí lẽ, bằng chứng phù hợp, dễ hiểu giúp người đọc xác định và hình dung rõ hơn vấn đề đang bàn luận và soi xét vào thực tế cuộc sống.  ***3. Hướng dẫn quy trình viết***  **Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết**  - Em có thể chọn một vấn đề dưới đây để bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối:  + Tầm quan trọng của việc bảo vệ rừng.  + Hiện tượng xả rác bừa bãi.  + Nạn săn bắt thú hoang dã.  + Tuổi trẻ cần có trách nhiệm với việc bảo vệ môi trường sống.  + Cần cấm sử dụng vật dụng bằng ni lông để bảo vệ môi trường.  + …  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**  - Liệt kê các ý kiến đồng tình hoặc phản đối về đề tài đã chọn dựa vào bảng sau:   | **Ý kiến** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | --- | --- | --- | | Đồng tình |  |  | | Phản đối |  |  |   - Sắp xếp các ý tìm được dựa vào dàn ý sau:  + Phần mở đầu: Nêu vấn đề cần bàn luận.  Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận  + Phần thân bài:  1. Giải thích từ ngữ, ý kiến cần bàn luận  2. Bàn luận:  Trình bày vấn đề cần bàn luận.  Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận.  Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.  + Phần kết bài: Khẳng định lại vấn đề.  Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học.  **Bước 3: Viết bài**  - Viết bài văn dựa trên dàn ý. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài.  **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**  - Dùng bảng kiểm bên dưới để kiểm tra chất lượng bài viết:  Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên   |  | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | --- | --- | --- | --- | | Phần mở đầu | Nêu vấn đề cần bàn luận |  |  | | Nêu ý kiến đồng tình hay phản đối. |  |  | | Phần thân bài | Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của ý kiến cần bàn luận. |  |  | | Trình bày vấ đề cần bàn luận. |  |  | | Trình bày ý kiến đồng tình hay phản đối về vấn đề cần bàn luận. |  |  | | Nêu được ít nhất hai lí lẽ một cách thuyết phục để làm rõ luận điểm. |  |  | | Nêu được bằng chứng đa dạng, cụ thể, phù hợp với luận điểm. |  |  | | Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí |  |  | | Phần kết bài | Khẳng định lại vấn đề. |  |  | | Đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học rút ra từ vấn để bàn luận. |  |  | | Trình bày, diễn đạt | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. |  |  | | Diễn đạt chặt chẽ, thuyết phục. |  |  |   - Sau khi kiểm xong, tiếp tục điều chỉnh bài thơ. Hoạt động này có thể được lặp đi lặp lại nhiều lần.  - Chia sẻ bài thơ với người thân trong gia đình, với bạn bè và với bất cứ ai mà em muốn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

**Đề bài (trang 71 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**

Câu lạc bộ Văn học trường em phát động viết bài với đề tài “Con người và thiên nhiên”. Hãy viết một bài văn nghị luận, bày tỏ ý kiến đồng tình hay phản đối về một vấn đề môi trường hoặc thiên nhiên mà em quan tâm và gửi cho ban tổ chức.

**Tham khảo:**

Môi trường bao gồm những yếu tố tự nhiên như đất, nước, không khí, sinh vật…. mang lại nhiều lợi ích to lớn, đóng vai trò quan trọng trong sự sống của loài người. Tuy nhiên hiện nay, môi trường đang bị ô nhiễm một cách trầm trọng, nhận được sự quan tâm và lo lắng của nhiều quốc gia trên thế giới.

Vậy ô nhiễm môi trường là gì? Ô nhiễm môi trường là một tình trạng mà tất cả những yếu tố tự nhiên đã và đang bị nhiễm các chất cặn bẩn, chất độc hại, có hại với sức khỏe con người. Với môi trường đất đai, con người sử dụng những chất thuốc hóa học như thuốc trừ sâu, bảo vệ thực vật….

Tuy diệt được các loài có hại nhưng những sinh vật có ích cũng bị nhiễm độc thuốc ảnh hưởng theo, làm đất bị thoái hóa trầm trọng, đặc biệt là Việt Nam tình trạng này còn trầm trọng hơn khi ngoài việc phun thuốc hóa học để chống sâu bệnh hại quá liều mà do tỉ lệ dân số nước ta khá cao so với diện tích đất khiến cho diện tích đất trồng đang bị thu hẹp lại.

Với môi trường nước, các nhà máy hoạt động thải chất bẩn ra các con sông mà không xử lý, gây nhiễm độc nước làm nhiều loài sinh vật biển chết hàng loạt. Trong đó phải kể đến sự việc cá chết hàng loạt vào năm 2016 nhà máy Formosa thải chất thải trực tiếp xuống sông khiến các vùng biển Vũng Áng, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế bị nhiễm độc nặng, ảnh hưởng đến công việc ngư dân và đời sống sinh hoạt cũng như sức khỏe của người dân.

Ngoài ra, việc phun thuốc hóa học không chỉ làm đất bị suy thoái, mà còn gây ô nhiễm nguồn nước khi phun thuốc trước hoặc sau các ngày mưa làm thuốc hóa học theo đất đổ ra các con sông, đồng thời khí độc trong thuốc bay hơi sẽ ảnh hưởng đến môi trường không khí. Môi trường không khí hiện nay cũng đang bị ô nhiễm rất lớn bởi khí thải của các phương tiện giao thông, các nhà máy chưa qua xử lý.

Đặc biệt tình trạng ô nhiễm không khí nặng nề phải kể đến thủ đô Bắc Kinh Trung Quốc khi người dân Trung Quốc gần như không thấy mặt trời, ra đường luôn phải đội mũ bảo hộ. Đây quả thực là một tình trạng hết sức nguy cấp và có dấu hiệu gia tăng khi khí hậu đang dần biến đổi, vùng Bắc cực có dấu hiệu băng tan.

Tình trạng ô nhiễm gây ra rất nhiều tác hại mà không chỉ sinh vật, con người sẽ là nạn nhân chịu ảnh hưởng trực tiếp. Với sức khỏe con người, ô nhiễm môi trường gián tiếp gây ra những căn bệnh nguy hiểm khi họ ăn phải hoặc uống, sử dụng phải nguồn nước nhiễm độc, sinh vật chết do nhiễm chì nặng gây ngộ độc thực phẩm, đặc biệt Việt Nam ta hiện nay đang là nước đứng thứ hai thế giới vì tỉ lệ người bị mắc bệnh ung thư.

Với tâm lý xã hội, hiện tượng này sẽ gây ra sự hoang mang, lo lắng cho người dân, làm tổn hại nền kinh tế khi họ phát bệnh nặng khi sử dụng những nguồn nước và thực phẩm không đảm bảo, khiến chi phí chữa bệnh vô cùng lớn, làm ảnh hưởng đến lương tháng, công việc của họ.

Vậy tại sao môi trường lại ô nhiễm đến như vậy? Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này trước hết về khách quan, nước ta chưa có sự đầu tư cao cho các công tác bảo vệ môi trường, chất thải sinh ra từ các khu sinh hoạt, khu công nghiệp nhà máy quá nhiều đến mức không xử lý được hết, những phần dư sẽ tích tụ và gây nên ô nhiễm, hay tại các phố đông người phân bố thùng rác không hợp lý, hiệu ứng nhà kính làm Trái Đất nóng lên làm quá trình ô nhiễm bị đẩy lên cao hơn.

Tuy nhiên, yếu tố khách quan là một phần nhưng yếu tố chủ quan lại là nguyên nhân chính dẫn đến sự ô nhiễm quá mức trầm trọng bởi nếu có ý thức bảo vệ môi trường, con người hoàn toàn có thể khắc phục được những nguyên nhân khách quan, nhưng hầu hết người dân chưa thực sự ý thức được về tác hại mà những tác động dù nhỏ nhất của họ vẫn có thể dẫn đến sự ô nhiễm, nhiều người vứt rác thải bừa bãi, không đúng nơi quy định, sử dụng nhiều túi nilon, rác thải nhựa như ống hút, cốc nhựa…

Bởi các chất thải nhựa mất đến hơn một thế kỷ mới có thể phân hủy, việc sử dụng đồ nhựa cũng khiến người dân bị nhiễm độc nhựa hay lạm dụng các chất hóa học bởi chúng “tiện”, những nhà máy cũng vì cái “tiện” mà không qua xử lý thải chất độc hại ra môi trường

Có biện pháp nào hạn chế được tác hại mà ô nhiễm môi trường gây ra hay không? Câu trả lời là có, nước ta nên có thêm những chính sách đầu tư cho các chiến dịch, công tác bảo vệ môi trường, địa phương tại các nơi thường tụ tập hoặc có đông người đi lại nên phân bổ thùng rác hiệu quả và thường xuyên vệ sinh chúng hay tạo ra ngày môi trường, vận động người dân đi xe đạp, xe điện.

Ngoài ra, bạn có thể tuyên truyền cho người dân biết về tác hại môi trường ảnh hưởng thế nào đến lợi ích của họ và gia đình, nâng cao ý thức hạn chế sử dụng đồ nhựa, sử dụng các chất hóa học, các nhà máy nên đầu tư mua các trang thiết bị lọc chất thải tối tân, hiện đại để bảo vệ môi trường.

Tuy vậy, để thực hiện được những giải pháp trên cần một quá trình lâu dài và cần sự nhận thức của tất cả mọi người rằng nên vì lợi ích chung sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân, không nên vì cái lợi trước mắt mà ảnh hưởng đến cuộc sống của những người khác những sinh vật đã và đang bị đe dọa bởi ô nhiễm môi trường.

Như vậy, ô nhiễm môi trường quả là một tình trạng đáng lo ngại, là hiểm họa đối với cuộc sống sức khỏe con người nói chung và hành tinh Trái Đất nói riêng.

Là học sinh, mỗi chúng ta nên là những người biết sống xanh, biết bỏ rác đúng nơi quy định, chúng ta phải thật sự thay đổi thì người khác mới có thể thay đổi, tự trau dồi những kiến thức về môi trường để tuyên truyền và vận động những người xung quanh chúng ta.

- HS nhận nhiệm vụ

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV yêu cầu HS:** Học sinh tự sáng tác một bài thơ một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ, đề tài tự do.

*- GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS tóm tắt được nội dung và đưa được ý kiến về một vấn đề xã hội.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị trước khi nghe**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định được các bước để trình bày một vấn đề xã hội.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **1. Các bước để trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội.** |

**Hoạt động 2: Nghe và tóm tắt**

**a. Mục tiêu:** Xác định và phân tích được vấn đề xã hội mà bản thân muốn trình bày.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIÊN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu;  - HS lắng nghe và tóm tắt nội dung.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe và tóm tắt nội dung.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **2. Trình bày bài tóm tắt.**  **Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, thời gian và không gian nói**  Để thuyết phục người nghe về ý kiến, quan điểm của mình, cần trả lời các câu hỏi:  - Người nghe là ai? Họ mong muốn thu nhận được gì từ bài nói?  - Buổi tọa đàm diễn ra ở đâu? Có bao nhiêu thời gian để trình bày, trao đổi?  - Chọn cách trình như thế nào cho phù hợp với đối tượng, địa điểm và thời gian nói?  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  Từ nội dung đã trình bày ở phần Viết, tóm tắt hệ thống ý dưới dạng sơ đồ sau:  - Mở đầu: giới thiệu vấn đề sẽ trình bày, nêu rõ ý kiến đồng tình hay phản đối với vấn đề đó.  - Phần chính: giải thích thuật ngữ, khái niệm liên quan đến vấn đề trình bày, khẳng định luận điểm đồng tình hay phản đối của người nói…  - Kết thúc: khẳng định lại ý kiến, đề xuất giải pháp hoặc nêu bài học nhận thức và hành động.  **Bước 3: Luyện tập và trình bày**  Khi luyện tập và trình bày, em chú ý:  - Chào người nghe, tự giới thiệu bản thân.  - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.  - Dự kiến các câu hỏi, phản hồi của người nghe và câu trả lời của em.  **Bước 4: Trao đổi và đánh giá**  Sử dụng bảng kiểm (SGK/75) tự đánh giá kĩ năng trình bày của bản thân và đánh giá bài trình bày. |

**Hoạt động 3: Tóm tắt nội dung đã nghe**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **3. Sau khi nói** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS vận dụng bài tập: Trình bày ý kiến của em về một vấn đề trong xã hội (đề tài tự do).

**Tham khảo:**

Xã hội ở thời kì nào cũng có những vấn đề nổi lên gây nhức nhối, xôn xao dư luận. Một vấn đề mà rất nhiều năm qua con người luôn quan tâm, dõi theo từng ngày ấy chính là vấn đề ô nhiễm môi trường.

Ngày nay, ô nhiễm môi trường đã và đang ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn ở Việt Nam. Tình trạng quy hoạch các khu đô thị chưa gắn với vấn đề xử lý chất thải, nước thải nên ô nhiễm môi trường ở các thành phố lớn, các khu công nghiệp, khu đô thị đang ở mức báo động. Ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm môi trường nước và ô nhiễm môi trường không khí đã diễn ra song hành với nhau gây hậu quả to lớn cho cuộc sống con người.

Vậy nguyên nhân của những sự việc trên là do đâu? Đầu tiên, đó chính là sự thiếu ý thức nghiêm trọng của nhiều người dân mà đặc biệt là các bạn trẻ. Họ nghĩ rằng những việc mình làm là quá nhỏ bé, không đủ để làm hại môi trường. Hoặc cho rằng việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của nhà nước, của chính quyền mà không phải là của mình. Một số khác lại nghĩ rằng việc môi trường đã bị ô nhiễm thì có làm gì đi chăng nữa cũng không đáng kể, và việc ô nhiễm môi trường cũng không ảnh hưởng gì tới mình nhiều... Chính tình trạng “cha chung không ai khóc” này đã để lại những hậu quả to lớn.

Ô nhiễm môi trường kéo theo các loại dịch bệnh cho cây trồng và vật nuôi, chính chúng lại là những thực phẩm con người tiêu thụ hàng ngày; cũng từ đây mà nhiều mầm bệnh đã ra đời và lấy đi mạng sống của nhiều người. Bên cạnh đó, ô nhiễm môi trường còn khiến con người thiếu đi nguồn nước sinh hoạt, thiếu đất canh tác và thiếu luôn cả luồng khí tinh khiết để hô hấp. Chính vì thế, chúng ta cần có những giải pháp kịp thời để ngăn chặn ô nhiễm môi trường ngay từ hôm nay. Thứ nhất, phải có các hình thức xử phạt thật nặng và nghiêm minh đối với các cá nhân, tổ chức, cơ quan có hành vi phá hoại môi trường, làm ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân.

Bên cạnh đó, cũng cần giáo dục ý thức cho người dân qua các hình thức tuyên truyền, cổ động như tổ chức những buổi giao lưu bàn về vấn đề môi trường tại các đơn vị hành chính cấp phường, xã... Đưa những bài viết chi tiết hơn về môi trường trong các sách giáo khoa ngay từ cấp tiểu học, giúp học sinh có thái độ và cái nhìn đúng đắn về môi trường và những hậu quả của việc phá hoại môi trường, từ đó giúp các em biết yêu và bảo vệ môi trường mình đang sống.

Mỗi người chúng ta ý thức bảo vệ môi trường một chút sẽ khiến cho cuộc sống thêm tốt đẹp và đẩy xa được tình trạng ô nhiễm hơn. Hãy hành động vì bản thân, vì môi trường, vì cuộc sống hôm nay và tương lai mai sau.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Ôn tập**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Kiến thức về văn nghị luận.

- Kiến thức tiếng Việt: nghĩa của các từ có yếu tố Hán Việt thông dụng và từ không có yếu tố Hán Việt.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu thương con người và yêu thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung các bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

**GV** tổ chức trò chơi “Chiếc nón kì diệu”

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

- Xác định được kiến thức

**d) Tổ chức thực hiện:**GV tổ chức trò chơi “Chiếc nón kì diệu”

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV chiếu hình ảnh, hướng dẫn luật chơi.

- HS quan sát, lắng nghe & trả lời câu hỏi.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tham gia trò chơi dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV.

 -Quan sát câu hỏi, suy nghĩ trả lời nhanh.

GV hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe.

- Theo dõi Hs trả lời, ghi điểm.

**B3: Báo cáo thảo luận**

**HS**:

- Trả lời câu hỏi của GV.

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét (hoạt động trò chơi của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động ôn tập.

- Viết tên bài học, nêu mục tiêu chung của bài học và chuyển dẫn tri thức Ngữ văn.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  Hoàn thành bảng danh sách các kiến thức đã học ở bài 1.  *+ Trình bày khái niệm luận đề và luận điểm.*  *+ Bằng chứng khách quan là gì?*  *+ Thế nào là ý kiến, đánh giá chủ quan?*  *+ Xác định nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức chuyển sang hoàn thiện phiếu học tập số 2.  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **1. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận**  - Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.  - Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.  Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, dẫn chứng.  **2. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận**  - Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.  - Ý kiến đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.  - Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:   | **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết** | | --- | --- | | Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện… | Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy… hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan. | | Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế. | Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng. |   **3. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt**  - Một số yếu tố Hán Việt thông dụng dưới đây có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt:  + Chinh (đánh dẹp, đi xa): chinh phục, chinh phụ…  + Lạm (quá mức): lạm phát, lạm dụng…  + Tuyệt (dứt, hết…): tuyệt bút, tuyệt nhiên…  + Vô (không, không có): vô bổ, vô tận… |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - Trình bày các bước để viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **2. Kiểu bài viết**  - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  **Gv tổ chức cho Hs hoạt động cá nhân**  Nhắc lại những nội dung mà em đã thực hành trong bài nói và nghe.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thành câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **3. Những nội dung đã thực hành nói và nghe**  - Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội |

**C.  HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**GV** tổ chức cho Hs tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của Gv.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của Hs

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 1 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Tóm tắt luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của ba văn bản nghị luận đã học bằng cách hoàn thành bảng sau (làm vào vở):   | **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | --- | --- | --- | --- | | Bức thư của thủ lĩnh da đỏ |  |  |  | | Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu |  |  |  | | Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI |  |  |  |   **Câu 2 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Căn cứ vào đâu để phân biệt bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận?  **Câu 3 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có vai trò gì trong việc thể hiện luận đề?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội. | **III. Luyện tập**  **Câu 1 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**   | **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | --- | --- | --- | --- | | Bức thư của thủ lĩnh da đỏ | Sống hòa hợp và bảo vệ mảnh đất nơi đây. | - Luận điểm 1: Những điều thiêng liêng trong kí ức của người da đỏ  - Luận điểm 2: Những lo lắng của người da đỏ nếu bán đất cho người da trắng.  - Luận điểm 3: Kiến nghị của người da đỏ | Luận điểm 1:  + Mảnh đất là người mẹ, bông hoa là người chị, người em.  + Dòng nước là máu của tổ tiên.  + Tiếng thì thầm của dòng nước là tiếng nói của cha ông.  Luận điểm 2:  + Họ sẽ lấy đi trong lòng đất những gì họ cần.  + Lòng thèm khát của họ sẽ ngấu nghiến đất đai.  + Họ chẳng để ý đến bầu không khí mà họ hít thở.  Luận điểm 3:  + Phải biết quý trọng đất đai.  + Hãy khuyên bảo chúng đất là mẹ. | | Thiên nhiên và hồn người lúc sang thu | Cảm nhận về thiên nhiên và hồn người lúc sang thu | - Cảm nhận của tác trong khổ thơ thứ nhất và thứ 2: Bức tranh thiên nhiên mùa thu được miêu tả bằng khứu giác, thị giác, xúc giác.  - Cảm nhận của tác giả về suy nghĩ, chiêm nghiệm của nhà thơ qua khổ thơ thứ 3. | + Không phải là những nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng của hoa cúc mà bắt đầu là hương ổi – một chữ “phả” đủ gợi hương thơm sánh lại.  + Cảm nhận được “hương ổi”, đã nhận ra “gió se”, mắt lại nhìn thấy sương đang “chùng chình qua ngõ”.  + Thiên nhiên được quan sát rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn “sông dềnh dàng” và “chim vội vã”.  + Cảm nhận, suy ngẫm về tâm trạng của tác giả khi nhìn cảnh vật trong những ngày đầu thu qua hình ảnh nắng, mưa, sấm.  + Cảm nhận và trả lời cho những chiêm nghiệm và sự từng trải của tác giả qua hình ảnh “Hàng cây đứng tuổi”: hình ảnh gợi cho người đọc nhiều liên tưởng như một đời người trưởng thành rồi già cỗi đi. | | Lối sống đơn giản – xu thế của thế kỉ XXI | Sống đơn giản | - Sống đơn giản là gì?  - Lợi ích của việc sống đơn giản | + Sống đơn giản không đồng nghĩa với sống khổ hạnh và nghèo đói, mà là cuộc sống được lựa chọn sau quá trình nghiên cứu kĩ lưỡng.  - Giúp chúng ta kiềm chế lòng tham, cân nhắc kĩ lưỡng các yêu cầu của bản thân.  + Một căn nhà rộng rãi sẽ đem lại sự dễ chịu cho người ở….  - Biến mình trở thành một con người nhàn nhã, bình yên và không hao phí thời gian vào những việc vô bổ.  + Lối sống này được ông cha ta coi trọng từ thời xa xưa. |   **Câu 2 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  - Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:   | **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết** | | --- | --- | | Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện… | Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy… hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan. | | Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế. | Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng. |   **Câu 3 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng giúp làm sáng rõ luận đề. Mỗi lí lẽ, dẫn chứng giúp cho luận để trở nên dễ hiểu, dễ hình dung và thuyết phục người đọc, người nghe hơn. |

**C.  HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**GV** tổ chức cho Hs tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của Gv.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của Hs

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 4 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Liệt kê ít nhất mười từ có chứa các yếu tố Hán Việt đã học trong bài và giải thích ý nghĩa của chúng.  **Câu 5 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Trình bày những kĩ năng viết để tăng sức thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.  **Câu 6 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Ghi lại những kinh nghiệm em thu nhận dược sau khi thực hiện bài thuyết trình cho buổi tọa đàm “Con người và thiên nhiên”.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội. | **III. Luyện tập**  **Câu 4 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Liệt kê ít nhất mười từ có chứa các yếu tố Hán Việt đã học trong bài và giải thích ý nghĩa của chúng.  **Trả lời:**   | **Từ có các yếu tố**  **Hán Việt** | **Giải thích ý nghĩa** | | --- | --- | | dân gian | ở trong dân | | trí tuệ | sự hiểu biết và kiến thức sâu rộng | | sứ giả | người được coi là đại diện tiêu biểu cho nhân dân | | bình dân | con người bình thường | | bất công | không công bằng | | hoàn mĩ | đẹp đẽ hoàn toàn | | triết lí | nguyên lí, đạo lí về vũ trujv và nhân sinh | | bất hạnh | không may gặp phải điều rủi ro, đau khổ | | nguy kịch | hết sức nguy hiểm, đe dọa nghiêm trọng đến sự sống còn | | hạnh phúc | một trạng thái cảm xúc vui vẻ của người |   **Câu 5 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Những kĩ năng viết để tăng sức thuyết phục cho bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống là:  - Hiểu rõ những gì mình viết  - Quản lí được nội dung và bố cục bài viết.  - Bám sát luận đề  - Lập luận cần đưa ra đủ lí lẽ, bằng chứng thuyết phục  - …  **Câu 6 (trang 76 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**  Những kinh nghiệm em thu nhận dược sau khi thực hiện bài thuyết trình cho buổi tọa đàm “Con người và thiên nhiên”.  - Luôn tự tin, trình bày quan điểm cá nhân.  - Lắng nghe, tiếp thu ý kiến từ mọi người xung quanh.  - Yêu thiên nhiên con người, sống hòa hợp với thiên và con người.  - … |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**